TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ LONG XUYÊN** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 110/2020/DS-ST
Ngày: 20-10-2020
V/v tranh chấp *"Hợp đồng vay tài sản"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYÊN,TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Diệu Tiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Hữu Tấn.

2. Bà Huỳnh Thị Thúy Hoa.

Thư ký phiên tòa: Ông Trần Ngọc Ký – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên tham gia phiên tòa: Ông Kiều Văn Liêu – Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 10 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 93/2020/TLST-DS ngày 06 tháng 5 năm 2020 về tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 318/2020/QĐST-DS ngày 11 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: ông Lê Thanh H, sinh năm: 1951 – Chủ doanh nghiệp tư nhân Thanh H.

Địa chỉ: số 555, ấp 2, xã N, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Lê Thanh H: bà Huỳnh Hồng D, sinh năm 1956. (theo Giấy ủy quyền ngày 28/5/2020) (Có mặt).

Địa chỉ: số 55, đường Đ, phường B, thành phố X, tỉnh An Giang.

- Bị đơn: ông Tăng Ngọc T, sinh năm 1967. (Vắng mặt).

Địa chỉ: số 57B3 T, phường K, thành phố X, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Huỳnh Hồng D trình bày:

Ông Lê Thanh H với ông Tăng Ngọc T là bạn bè, làm ăn mua bán cá tra thịt với nhau trong thời gian dài. Trong quá trình làm ăn thì ông T có vay tiền của ông H

nhiều lần, những lần đầu thì do quan hệ bạn bè với nhau nên ông H và ông T không lập biên nhận vì ông T cũng trả đủ số tiền vay. Sau đó do ông T vay số tiền lớn nên đến ngày 05/8/2009 ông H và ông T lập giấy xác nhận nợ với nội dung ông T có nợ của doanh nghiệp tư nhân Thanh H số tiền 4.750.000.000 đồng, thời hạn thanh toán trong vòng 12 tháng, chữ ký và chữ viết trong biên nhận là của ông T.

Trong giấy xác nhận nợ có ghi nội dung tài sản thế chấp để đảm bảo khoản nợ là thửa đất số 291, tờ bản đồ số 51, diện tích 512m^2, thửa đất số 385, tờ bản đồ số 42, diện tích 56,90m^2, nhà ở số 57B3 đường T, thành phố X, tỉnh An Giang, diện tích 206,94m^2. Đất và nhà ở tại địa chỉ phường K, thành phố X, tỉnh An Giang. Tuy nhiên, chỉ ghi nội dung như vậy để chứng minh ông T có tài sản để trả khoản nợ trên và ông T chỉ đưa bản photo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 291 để ông H biết thông tin về tài sản của ông T, thực tế ông H không giữ bất kỳ tài sản nào của ông T.

Ngày 08/4/2012, ông H bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đồng Tháp bắt giam về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản từ ngày 08/4/2012 đến ngày 11/11/2019 thì ông H được trả tự do. Do bị tạm giam thời gian dài nên ông H không gặp được ông T để đòi số tiền vay còn nợ.

Tại phiên tòa, bà D – người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu ông Tăng Ngọc T có nghĩa vụ trả cho ông Lê Thanh H số tiền 4.750.000.000 đồng (Bốn tỷ, bảy trăm năm mươi triệu đồng) theo giấy xác nhận nợ ngày 05/8/2009. Yêu cầu tính lãi chậm thanh toán nợ theo quy định pháp luật kể từ ngày 05/8/2010 đến ngày xét xử.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Tăng Ngọc T đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt nên không thể ghi nhận ý kiến của ông T đối với yêu cầu khởi kiện của ông H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên phát biểu quan điểm:

Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng: nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 71, 86 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung:

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 474, 476 Bộ luật dân sự năm 2005, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Tăng Ngọc T có nghĩa vụ trả số tiền 4.750.000.000 đồng và lãi suất theo quy định pháp luật từ ngày 05/8/2010 cho đến ngày xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Ông Lê Thanh H – chủ doanh nghiệp tư nhân Thanh H khởi kiện ông Tăng Ngọc T. Ông Tăng Ngọc T có nơi cư trú tại phường Bình Khánh, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. Do đó, Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền được quy định tại các Điều 26, 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án, không tống đạt được các văn bản tố tụng cho bị đơn ông Tăng Ngọc T do ông T đã bán nhà và đi khỏi địa phương. Tại đơn khởi kiện ông H đã ghi đúng địa chỉ của ông T theo Giấy xác nhận nợ ngày 05/8/2009 và qua kết quả xác minh xác định được ông Tăng Ngọc T có nơi cư trú cuối cùng tại số 57B3, đường T, phường K, thành phố X, tỉnh An Giang. Hiện nay ông T đã bán nhà và đã bỏ địa phương đi mà không thông báo cho ông H biết là cố tình giấu địa chỉ, Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng ông T vẫn vắng mặt. Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông T.

[3] Ông Lê Thanh H – chủ doanh nghiệp tư nhân Thanh H khởi kiện ông Tăng Ngọc T yêu cầu trả tiền vay còn nợ. Do đó, xác định đây là quan hệ tranh chấp về hợp đồng vay tài sản được quy định tại khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Ông Lê Thanh H ủy quyền cho bà Huỳnh Hồng D. Thủ tục ủy quyền trên là phù hợp theo quy định tại các Điều 85, Điều 86 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận bà D tham gia tố tụng với tư cách là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và được thực hiện các quyền, nghĩa vụ tố tụng dân sự theo nội dung văn bản ủy quyền.

- Về nội dung:

[5] Căn cứ nội dung Giấy xác nhận nợ ngày 05/8/2009, có chữ ký và chữ viết của ông T, có cơ sở xác định giữa ông H (chủ doanh nghiệp tư nhân Thanh H) và ông T có xác lập hợp đồng vay tài sản với số tiền 4.750.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, không thỏa thuận lãi suất. Hợp đồng trên được xác lập trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, không bị lừa dối hay ép buộc nên đây là hợp đồng hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo hợp đồng. Việc ông T không thanh toán số tiền vay còn nợ là vi phạm nghĩa vụ của bên vay theo hợp đồng, do đó cần buộc ông T có trách nhiệm trả số tiền vay trên cho ông H. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H buộc ông T có nghĩa vụ trả cho ông H số tiền 4.750.000.000 đồng là phù hợp theo quy định tại Điều 471, 474 Bộ luật dân sự năm 2005.

[6] Đối với yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật từ ngày 05/8/2010 đến ngày Tòa án xét xử (20/10/2020) đối với số tiền còn nợ 4.750.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy do các bên không thỏa thuận lãi suất và ông T chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán nên phải chịu lãi suất chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005. Như vậy, tiền lãi chậm trả từ 05/8/2010 – 20/10/2020 là: 3.730 ngày x 9%/năm x 4.750.000.000 đồng = 4.429.375.000 đồng.

Từ những phân tích trên, có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H buộc ông T có nghĩa vụ trả cho ông H số tiền 4.750.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả 4.429.375.000 đồng. Tổng cộng là 9.179.375.000 đồng.

[7] Về án phí: ông Tăng Ngọc T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ Điều 26, 35, 39, 85, 86, 144, 147, 227, 228, 235, 271, 273, 278 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Điều 471, 474, 476 Bộ luật dân sự năm 2005.

- Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Thanh H – chủ doanh nghiệp tư nhân Thanh H.

- Buộc ông Tăng Ngọc T có nghĩa vụ trả cho ông Lê Thanh H – chủ doanh nghiệp tư nhân Thanh H số tiền 4.750.000.000 đồng và tiền lãi 4.429.375.000 đồng.

Tổng cộng là 9.179.375.000 đồng *(Chín tỷ, một trăm bảy mươi chín triệu, ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).*

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Tăng Ngọc T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 117.179.375 đồng *(Một trăm mười bảy triệu, một trăm bảy mươi chín nghìn, ba trăm bảy mươi lăm đồng).*

Ông Lê Thanh H – chủ doanh nghiệp tư nhân Thanh H được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Ông Tăng Ngọc T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự "Để thi hành";
- VKSND TPLX;
- TAND tỉnh An Giang;
- THADS TPLX;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VP (5).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đặng Thị Diệu Tiên